

Số: 88/2026/QĐST-DS

Khánh Hòa, ngày 12 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 04 tháng 8 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 60/2026/TLST-DS ngày 04 tháng 02 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

1.1. Nguyên đơn: Ông Lê Văn K – Sinh năm 1963

Bà Nguyễn Thị T – Sinh năm 1964

Cùng nơi cư trú: Thôn S, xã B, tỉnh Khánh Hòa

- Người đại diện theo ủy quyền của ông K, bà T: Ông Bùi Văn M - sinh năm 1960; Địa chỉ: TDP A, phường N, tỉnh Khánh Hòa.

1.2. Bị đơn: Ông Hồ Hữu L – Sinh năm 1960

Bà Hồ Thị S – Sinh năm 1961

Cùng nơi cư trú: Thôn S, xã B, tỉnh Khánh Hòa.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Lê Văn K, bà Nguyễn Thị T và ông Hồ Hữu L, bà Hồ Thị S thống nhất tiếp tục thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo giấy viết tay lập ngày 05/10/2000 đối với thửa đất số 220, tờ bản đồ số 56 (nay là các thửa đất số 32, 33, 34 và 537 tờ bản đồ số 135), tọa lạc tại thôn S, xã B, tỉnh Khánh Hòa, có tổng diện tích 6.427,0m², được giới hạn bởi các mốc giới 1, 2, 3, 4, M1, M2, M3, M4, M5, M6, M7 và M8. Ông Hồ Hữu L, bà Hồ Thị S có trách nhiệm phối hợp chỉnh lý biên động Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 620845, số vào sổ cấp GCN: H 03261 do UBND huyện N cấp ngày 11/9/2009 đứng tên ông Hồ Hữu L để phù hợp với hiện trạng diện tích lô đất mà ông K, bà T đang sử dụng đối với diện tích đo vẽ 6427,0m².

2.2. Nguyên đơn có quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện thủ tục đăng ký biến động và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật theo diện tích hiện trạng đo vẽ của Công ty TNHH T1 ngày 26/5/2026. (Có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

3. Về án phí và chi phí tố tụng

+ *Về chi phí tố tụng*: Ông Lê Văn K, bà Nguyễn Thị T tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng theo quy định. Ông K, bà T đã nộp đủ tiền chi phí tố tụng.

+ *Về án phí*: Nguyên đơn gồm ông Lê Văn K, bà Nguyễn Thị T phải chịu 75.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và bị đơn gồm ông Hồ Hữu L, bà Hồ Thị S phải chịu 75.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, ông K, bà T, ông L, bà S đều thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nên ông K, bà T, ông L, bà S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 36, 71 và 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND Khu vực 4 – Khánh Hòa;
- Phòng THADS Khu vực 4 – Khánh Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu AV và HS.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Phùng Văn Thức

